

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ, CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT.....	3
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	4
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ.....	5
Chương I.....	6
THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN.....	6
1. Tên chủ dự án: Công ty cổ phần điện gió BT3.	6
2. Tên dự án:.....	6
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án:.....	8
3.1. Công suất hoạt động của dự án:	8
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án:	8
3.3. Sản phẩm của dự án	10
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:.....	10
4.1. Máy móc, thiết bị	10
4.2. Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu.....	10
Chương II	11
SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN VỚI QUY HOẠCH,	11
KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	11
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:.....	11
Chương III.....	12
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP	12
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	12
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:	12
1.1. Thu gom, thoát nước mưa:	12
2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	13
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:	13
4. Công trình biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, sóng âm	16
5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:.....	16

5. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	20
Chương IV.....	21
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	21
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:	21
Chương V	22
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	22
2.Kết quả quan trắc điện từ trường.....	24
3. Kết quả quan trắc tiếng ồn	25
Chương VI.....	28
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN.....	28
1. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật.	28
1.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	28
2. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.	28
Chương VII	29
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA	29
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI DỰ ÁN.....	29
Chương VIII	30
CAM KẾT CỦA CHỦ dự án.....	30
PHỤ LỤC BÁO CÁO.....	31

DANH MỤC CÁC TỪ, CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

UBND: Ủy ban nhân dân

QCVN: Quy chuẩn Việt Nam

BTNMT: Bộ Tài nguyên Môi trường

CTNH: Chất thải nguy hại

BCT: Bộ Công thương

GPXD: Giấy phép xây dựng

NLTT: Năng lượng tái tạo

XLNT: Xử lý nước thải

BVMT: Bảo vệ môi trường

CBCN: Cán bộ công nhân

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. Danh mục máy móc thiết bị sử dụng.....	8
Bảng 2: Thống kê máy móc, thiết bị sử dụng cho việc xử lý môi trường của cơ sở.....	8
Bảng 3: Chất thải nguy hại phát sinh tại Trang trại điện gió BT2 giai đoạn 2	11
Bảng 4. Thống kê vị trí quan trắc nước mặt.....	20
Bảng 5. Chỉ tiêu quan trắc.....	21
Bảng 6. Kết quả quan trắc nước mặt.....	21
Bảng 7. Vị trí quan trắc điện từ trường.....	22
Bảng 8. Chỉ tiêu quan trắc.....	23
Bảng 9. Kết quả quan trắc điện trường.....	23
Bảng 10. Thống kê vị trí quan trắc tiếng ồn.....	24
Bảng 11. Chỉ tiêu quan trắc.....	25
Bảng 12. Kết quả quan trắc tiếng ồn.....	25

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1: Sơ đồ vị trí của cơ sở.....	6
Hình 2: Khu vực Trang trại điện gió BT2 giai đoạn 2.....	6
Hình 3: Sơ đồ công nghệ sản xuất điện của cơ sở.....	7
Hình 4. Sơ đồ khu vực bố trí turbine của Trang trại điện gió BT2 giai đoạn 2	10
Hình 5: Sơ đồ bố trí kho chất thải nguy hại tại Trang trại điện gió BT1.....	14
Hình 6: Kho lưu giữ chất thải nguy hại của Trang trại điện gió BT1.....	14

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên chủ dự án: Công ty cổ phần điện gió BT3.

- Địa chỉ văn phòng: 81 Phan Bội Châu, Phường Đồng Hải, Thành phố Đồng Hới, Quảng Bình, Việt Nam.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án: Ông Nguyễn Nam Thắng Tổng giám đốc.

- Điện thoại: 0232 2478800

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 3101095412 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 16 tháng 12 năm 2020, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 16 tháng 6 năm 2020.

- Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 03/3/2021 do UBND tỉnh Quảng Bình phê duyệt V/v chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Trang trại điện gió BT2-giai đoạn 2 của công ty Cổ phần Điện gió BT3 (Thuộc Cụm Trang trại điện gió B&T).

2. Tên dự án: Trang trại điện gió BT2 giai đoạn 2 (thuộc Cụm Trang trại điện gió B&T).

Địa điểm dự án: Tại các xã Ngư Thủy Bắc, Cam Thủy, Hưng thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

- Quyết định số 1776 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2021 do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Trang trại điện gió BT2 giai đoạn 2.

- Quy mô của dự án: Tổng mức đầu tư của dự án 1.267,812 tỷ đồng thuộc nhóm B, theo khoản 1, điều 9 Luật đầu tư công số 39/2019/QH14.

- Theo khoản 2, mục I, phụ lục IV Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 dự án thuộc dự án đầu tư nhóm II.

+ Diện tích dự án: Đất sử dụng có thời hạn là 126.986,4m², đất hành lang an toàn điện gió là 1.520.000m².

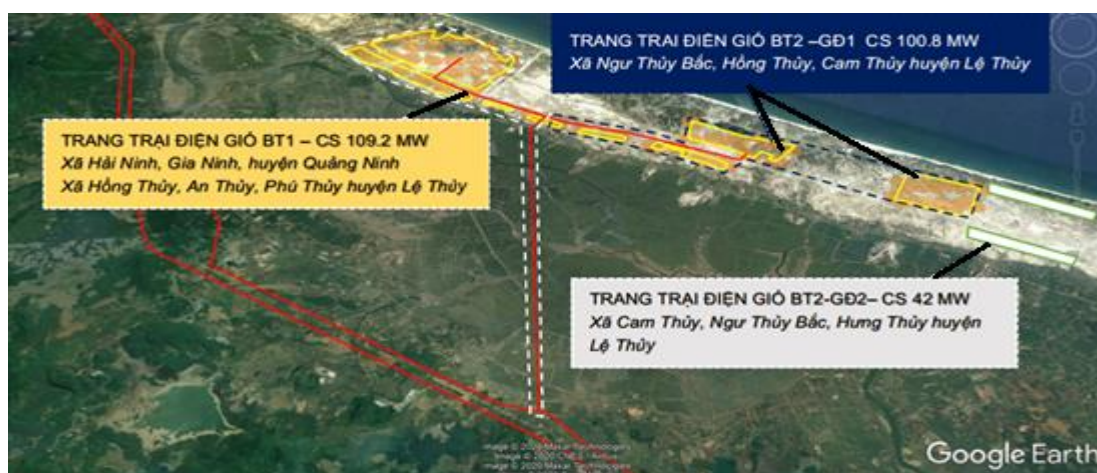
Dự án xây dựng 2 dãy tuabin gió. Các tuabin gió số 51,52,53,54 nằm dọc theo tuyến đường tỉnh 569 ven biển xã Ngư Thủy Bắc, các tuabin từ 55 đến 60 nằm dọc theo tuyến đường tránh QL1A thuộc xã Cam Thủy và Hưng Thủy.

Bảng 1.1: Các hạng mục xây dựng của dự án

Số thứ tự	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (m ²)
I	Hệ thống tuabin điện gió		21.090,3
1	Tuabin gió số 51	Xã Ngư Thủy Bắc	
2	Tuabin gió số 52	Xã Ngư Thủy Bắc	
3	Tuabin gió số 53	Xã Ngư Thủy Bắc	
4	Tuabin gió số 54	Xã Ngư Thủy Bắc	
5	Tuabin gió số 55	Xã Cam Thủy	
6	Tuabin gió số 56	Xã Hưng Thủy	
7	Tuabin gió số 57	Xã Hưng Thủy	
8	Tuabin gió số 58	Xã Hưng Thủy	
9	Tuabin gió số 59	Xã Hưng Thủy	
10	Tuabin gió số 60	Xã Hưng Thủy	
II	Hệ thống giao thông và hệ thống điện liên kết giữa các tuabin gió		105.896,1

+ Loại hình hoạt động: Sản xuất điện gió.

+ Số lượng CB, CNV và lao động: Tại khu vực dự án không có hoạt động sinh hoạt nên không phát sinh nước thải và rác thải sinh hoạt.



Hình 1: Sơ đồ vị trí của dự án



Hình 2: Khu vực Trang trại điện gió BT2 giai đoạn 2

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án:

3.1. Công suất hoạt động của dự án:

- Trang trại điện gió BT2 giai đoạn 2: Lắp đặt 10 turbine điện gió, công suất thiết kế 42MW/giờ với 10 tua bin, mỗi tua bin công suất 4,2MW/giờ.

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án:

Dự án sử dụng công nghệ của Tập đoàn Vestas Đan Mạch, được sản xuất theo tiêu chuẩn IEC 61400 của Ủy ban Kỹ thuật Điện quốc tế IEC. Về cơ bản nguyên lý tạo ra dòng điện từ gió là biến động năng của gió thành cơ năng của rotor và tạo ra điện năng nhờ máy phát điện. Dự án sử dụng turbine trục ngang 03 cánh quạt có hộp số để chuyển tốc độ số vòng quay của cánh quạt lên cao và truyền đến máy phát điện. Quá trình sản xuất điện gió được thể hiện như sơ đồ dưới:

Thuyết minh quy trình:

Đầu tiên dòng chuyển động của không khí (gió) với vận tốc 3m/s khi tác dụng lên cánh quạt sẽ làm quay cánh quạt, chuyển động này sẽ làm quay trục hộp số, bánh răng của hộp số được nối với trục có tốc độ thấp với trục có tốc độ cao, truyền động này sẽ làm quay rotor của máy phát điện và tạo ra điện năng với dòng điện 3 pha xoay chiều 720V.

Để đảm bảo vận hành an toàn và ổn định, tuabin gió còn có các bộ phận để điều chỉnh khi tốc độ gió, hướng gió thay đổi và khi gặp bão như:

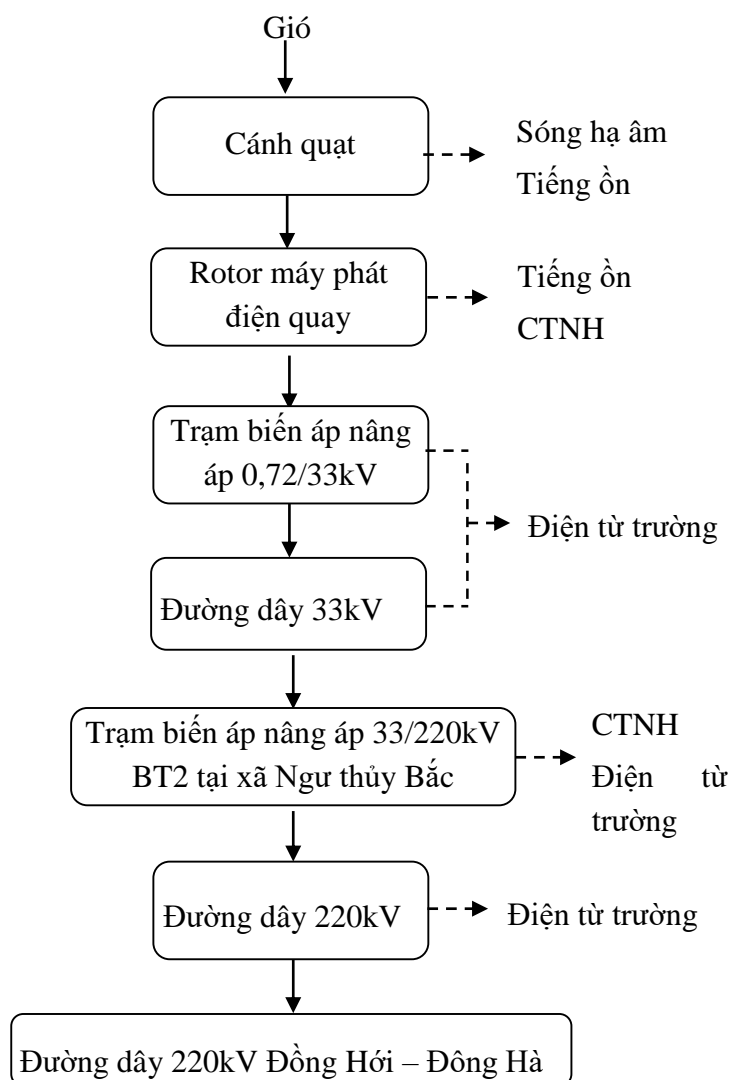
Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Trang trại điện gió BT2 giai đoạn 2 (Thuộc cụm Trang trại điện gió B&T).

- BƯỚC RĂNG (pitch) được gắn với cánh quạt để xoay hoặc làm nghiêng cánh quạt một ít nhằm giữ cho rotor quay trong không khí không quá cao hoặc quá thấp.

- Bộ phận xử lý hướng và vận tốc gió sau đó đưa thông tin về hệ thống điều khiển để định hướng tuabin đón gió lớn nhất (khi điều kiện thời tiết bình thường) hoặc tránh hướng gió lớn nhất (khi gặp bão).

- Bộ phận hãm (phanh) được lắp với trục quay tuabin nhằm để dừng quay tuabin khi bảo dưỡng hoặc gặp bão.

- Bộ phận điều khiển có nhiệm vụ khởi động động cơ ở tốc độ gió khoảng 3,0m/s và tắt động cơ khi vận tốc gió lớn hơn 25m/s để đảm bảo an toàn cho toàn bộ hệ thống tuabin.



Hình 3: Sơ đồ công nghệ sản xuất điện của dự án

3.3. Sản phẩm của dự án: Sản xuất điện năng phục vụ nhu cầu của khách hàng với sản lượng điện hàng năm là 97.000MW.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

4.1. Máy móc, thiết bị

Các loại máy móc, thiết bị phục vụ cho hoạt động của dự án được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1. Danh mục máy móc thiết bị sử dụng

TT	Tên thiết bị	Số lượng	Xuất xứ
1	Tháp đỡ tuabin	10 trụ	
2	Tuabin gió	10 cái	Đan Mạch
3	Máy biến áp nâng áp 0,72/33kV	10 máy	Đan Mạch
4	Máy biến áp nâng áp 33/220kV 63MVA	01 máy	Thái Lan
5	Đường dây cáp 33kV đấu nối từ các tuabin về TBA	27,5km	Việt Nam

4.2. Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu

Dự án sử dụng nhiên liệu làm mát máy biến áp và cách điện cho máy biến áp 63MVA, sử dụng nhiên liệu bôi trơn bánh răng cho tuabin gió. Đối với các máy biến áp nâng áp 0,72/33kV sử dụng các máy biến áp khô nên không có dầu cách điện.

TT	Nguyên liệu, nhiên liệu	Đơn vị tính	BT2 giai đoạn 2
1	Dầu máy biến áp 63MVA	Tấn/năm	25
2	Dầu tuabin gió	Tấn/năm	10
3	Hóa chất hữu cơ	kg	200

4.3. Nhu cầu sử dụng điện, nước

Dự án không có hoạt động sinh hoạt, do công nhân và cán bộ sinh hoạt tại Trang trại điện gió BT2 giai đoạn 1 cùng thuộc chủ đầu tư. Do vậy dự án không sử dụng điện, nước để phục vụ sinh hoạt.

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

Trang trại điện gió BT2 giai đoạn 2 nằm trong cụm trang trại điện gió B&T đã được Bộ Công thương phê duyệt quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2016 -2025, có xét đến năm 2035 – Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110kV tại quyết định số 3824/QĐ-BCT ngày 03/10/2017.

Dự án đã được UBND tỉnh Quảng Bình phê duyệt quy hoạch chi tiết tại Quyết định số 1212/QĐ-UBND ngày 29/4/2021.

Dự án Trang trại điện gió BT2 giai đoạn 2 (thuộc Cụm Trang trại điện gió B&T) của Công ty Cổ phần Điện gió BT3 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 03/3/2021.

Dự án đã được UBND tỉnh Quảng Bình phê duyệt chuyển mục đích sử dụng rừng trồng sang mục đích khác tại Quyết định số 1291/QĐ-UBND ngày 10/5/2021.

Việc xây dựng Trang trại điện gió BT2 giai đoạn 2 phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, phù hợp với chủ trương phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư với khả năng chịu tải của môi trường

Dự án không có hoạt động phát sinh nước thải ra môi trường nên khi đi vào hoạt động không xả nước thải vào môi trường.

CHƯƠNG III

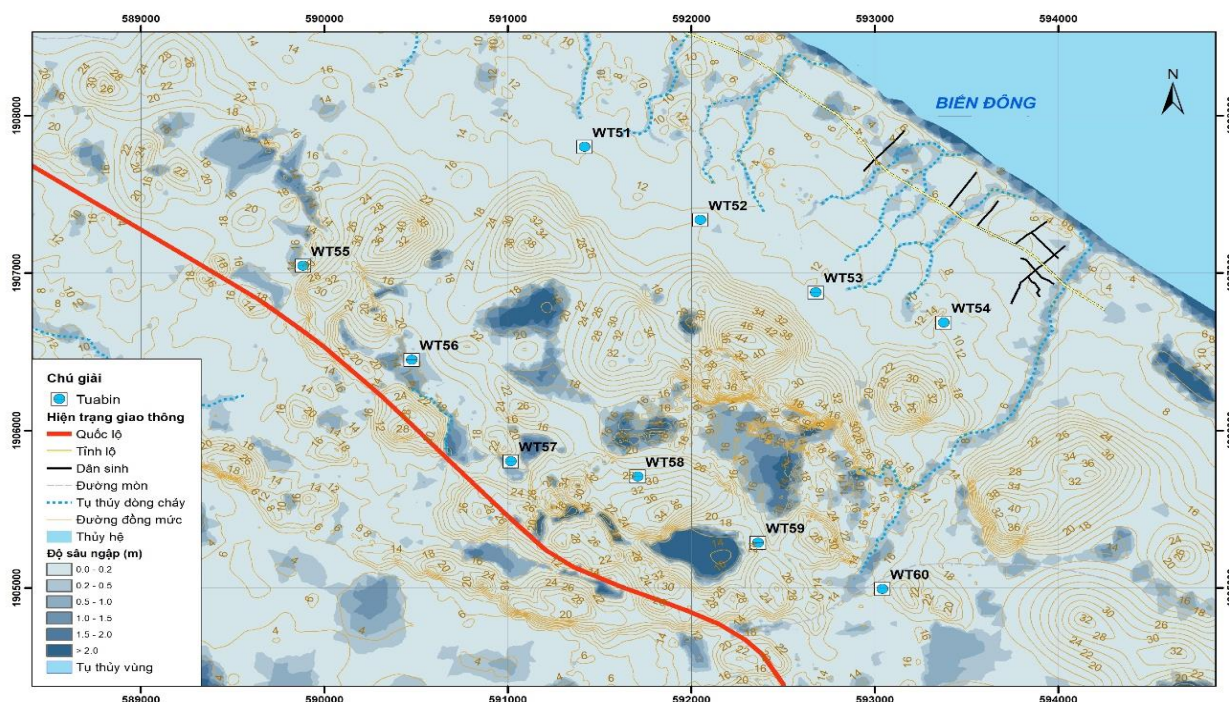
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

Khu vực dự án chỉ xây dựng 2 dãy turbine gió có tất cả 10 turbine điện gió, đường nội bộ nằm rải rác trên diện tích rộng. Các turbine 51, 52, 53, 54 nằm dọc theo tuyến đường tỉnh 569 ven biển xã Ngư Thủy Bắc, các turbine từ 55 đến 60 nằm dọc theo tuyến đường tránh quốc lộ 1A thuộc xã Cam Thủy, Hưng Thủy. Nước mưa trên các trụ tuabin gió chảy theo các trụ tuabin xuống chân tuabin và tự thấm vào cát, khu vực dự án là khu vực đất cát nên nước mưa chảy trên trụ tuabin xuống tự thấm vào đất nhanh và không làm thay đổi, tắc nghẽn dòng chảy của khu vực.

Tại khu vực Trang trại điện gió BT2 giai đoạn 2 do không có các hoạt động sinh hoạt nên nước mưa chảy tràn không cuốn theo rác và các chất ô nhiễm, nước mưa chảy tràn tương đối sạch. Do đó nước mưa chảy tràn khu vực này một phần thấm vào cát và một phần chảy theo địa hình vào khu vực xung quanh, vì vậy tác động của nước mưa chảy tràn đến dự án và môi trường xung quanh không đáng kể.



Hình 4. Sơ đồ khu vực bố trí turbine của Trang trại điện gió BT2 giai đoạn 2

2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Do dự án không có hoạt động sinh hoạt nên chất thải rắn phát sinh tại khu vực chủ yếu là chất thải rắn sản xuất phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng cáp hệ thống turbine, thành phần chủ yếu là dây điện bị hỏng với khối lượng phát sinh không thường xuyên, lượng chất thải này có thể nhiều năm mới phát sinh một lần, do đó tác động này là không lớn.

Dự án sẽ bố trí 01 thùng rác thông thường loại 120 lít trên xe sửa chữa, bảo dưỡng để thu gom, sau đó sẽ phân loại, bán phế liệu tái chế đối với rác thải tái chế được, đối với các loại chất thải không tận dụng được thì thu gom xử lý cùng với rác thải sinh hoạt. Rác thải thông thường phát sinh từ quá trình sửa chữa tuabin của dự án được vận chuyển qua điểm tập kết tại nhà điều hành của Trang trại điện gió BT1 tại xã Hải Ninh cùng thuộc chủ đầu tư của dự án Trang trại điện gió BT2 giai đoạn 2, Công ty CP Điện gió BT1 đã hợp đồng với Ban Quản lý công trình công cộng huyện Quảng Ninh thu gom chất thải rắn thông thường của Cụm Trang trại điện gió B&T.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị của các turbine, thành phần chủ yếu là dầu hộp số turbine, nhớt, hỗn hợp dầu, ốc quy chì, giẻ lau dính dầu, bao bì kim loại, vật liệu lọc.

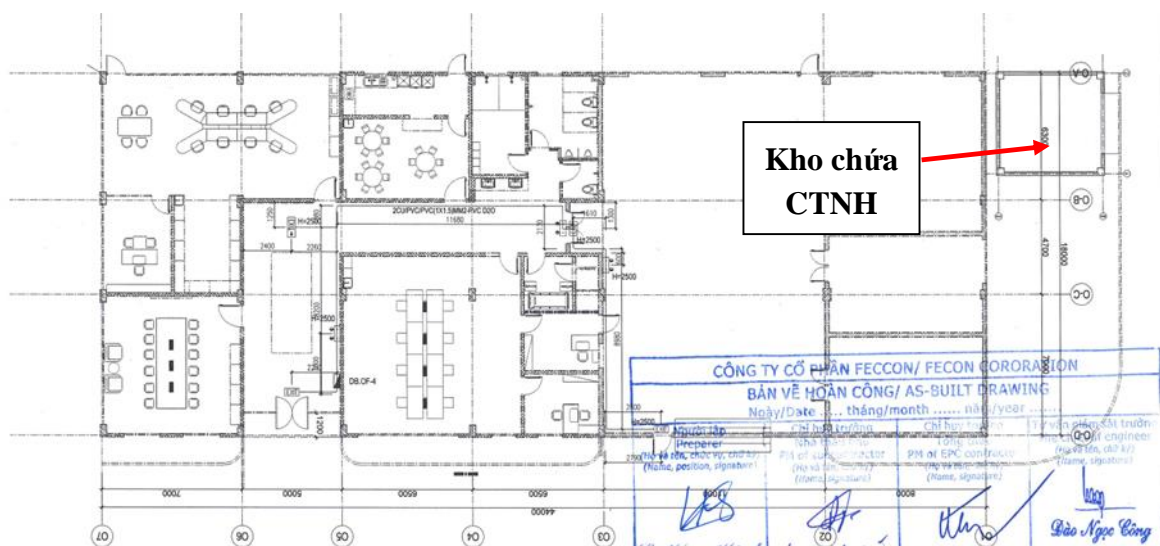
Dự án mới đi vào hoạt động từ tháng 10 năm 2021 nên chất thải nguy hại phát sinh rất ít khoảng 40kg. Dự báo thời gian tới chất thải nguy hại của dự án phát sinh như sau:

Bảng 3: Chất thải nguy hại phát sinh tại Trang trại điện gió BT2 giai đoạn 2

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng)	Số lượng TB năm (kg)	Mã số CTNH	Ghi chú
1	Bộ lọc dầu nhớt đã qua sử dụng	Rắn	120	15 01 02	Khi có hư hại
2	Thiết bị và linh kiện điện tử thải hoặc thiết bị điện có các thành phần điện tử	Rắn	160	19 02 06	Khi có hư hại
3	Các loại dầu thủy lực khác	Lỏng	190	17 01 07	Thay dầu sau 3-5 năm vận hành

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Trang trại điện gió BT2 giai đoạn 2 (Thuộc cụm Trang trại điện gió B&T).

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng)	Số lượng TB năm (kg)	Mã số CTNH	Ghi chú
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn chất thải khác	Lỏng	100	17 02 04	Thay dầu sau 3-5 năm vận hành
5	Bao bì kim loại cứng	Rắn	140	18 01 02	Sau các đợt bảo dưỡng
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc(bao gồm cả vật liệu lọc dầu được đề cập trong mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ chất thải bị nhiễm các thành phần nguy hiểm	Rắn	200	18 02 01	Sau các đợt bảo dưỡng (6 tháng/lần)
7	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	5	16 01 06	Khi có hư hại
8	Pin, ắc quy thải	Rắn	50	19 06 05	Khi có hư hại
9	Dầu nhiên liệu và chất thải diesel	Lỏng	240	17 06 01	Sau các đợt bảo dưỡng (6 tháng/lần)
10	Hóa chất hữu cơ thải bao gồm các thành phần nguy hại	Lỏng	77	19 05 04	Sau các đợt bảo dưỡng (6 tháng/lần)
	Tổng		1.282		



Hình 5: Sơ đồ bố trí kho chất thải nguy hại tại Trang trại điện gió BT1

Đối với dầu thải phát sinh từ quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tuabin gồm dầu thủy lực, dầu động cơ hộp số, dầu nhớt, dầu nhiên liệu: Công ty sẽ bố trí 2 thùng chứa chất liệu nhựa composite, có nắp đậy, chân có bánh xe để di chuyển, kích thước (81cm x 134cm x 126cm), dung tích chứa hữu ích 660 lít.

Chất thải nguy hại gồm giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang hư hỏng, pin ắc quy thải, hộp mực thải, thiết bị linh kiện điện tử hư hỏng, vật liệu lọc...thu gom vào các 1 thùng chứa chất liệu nhựa composite, có nắp đậy, chân có bánh xe để di chuyển, kích thước (81cm x 134cm x126cm), dung tích chứa hữu ích 660 lít.

Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình bảo dưỡng các tuabin gió tại Trang trại điện gió BT2 giai đoạn 2 vận chuyển trên các xe sửa chữa có phủ bạt kín che nắng mưa, thu gom vào 3 thùng chứa (chất liệu nhựa composite, dung tích 660l) đưa tới nhà kho lưu trữ CTNH của nhà điều hành trung tâm của Trang trại điện gió BT1 tại xã Hải Ninh, kho có diện tích 26m². Trang trại điện gió BT2 giai đoạn 2 cách Trang trại điện gió BT1 khoảng 10km và cùng một chủ đầu tư thuộc Cụm Trang trại điện gió B&T. Do cơ sở mới đi vào hoạt động từ tháng 10 năm 2021 nên phát sinh chất thải nguy hại rất ít, do đó cơ sở chưa hợp đồng với các đơn vị thu gom xử lý chất thải nguy hại. Chất thải nguy hại của cơ sở thời gian tới phát sinh khoảng 1.282kg/năm sẽ được lưu giữ và thu gom theo đúng quy định của thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.



Hình 6: Kho lưu giữ chất thải nguy hại của Trang trại điện gió BT1

4. Công trình biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, sóng âm

- Bố trí thời gian làm việc hợp lý cho các công nhân bảo trì, bảo dưỡng tuabin gió, công nhân làm việc ở khu vực có độ ồn cao được trang bị thêm các thiết bị giảm ồn như nút tai, bịt tai, định kỳ kiểm tra sức khỏe cho công nhân;
- Định kỳ 06 tháng/lần kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (như bôi dầu mỡ, kiểm tra các cơ cấu truyền động,...) để máy móc hoạt động tình trạng tốt nhất, giảm thiểu tiếng ồn cũng như độ rung.

5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

Cơ sở đã đề ra các biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động như sau:

a. Đối với sự cố đổ gãy turbine gió

- Bảo dưỡng turbine định kì, sửa chữa kịp thời khi có hư hỏng;
- Khi có gió bão quá lớn có thể gây đổ cột turbine. Theo thông số thiết kế của nhà sản xuất, tuabin gió của Dự án sẽ quay về trạng thái tránh gió và ngưng

hoạt động khi tốc độ gió từ 25 m/s trở lên trong khoảng 20 giây, thời gian ngưng hoạt động tùy theo tình trạng gió. Khi tốc độ gió giảm dưới 20 m/s, tuabin điện gió sẽ khởi động trở lại, công suất từ từ tăng lên.

- Các trụ turbine đã được xây dựng kê đá, đầm nén chặt xung quanh hố móng nhằm tránh các hiện tượng sụt lở đất làm hư hại móng công trình.

- Chiều cao của các trụ tua bin khoảng 145m, khoảng cách giữa các trụ tuabin là 500m, nếu có gãy đổ turbine cũng chỉ ảnh hưởng trong bán kính 200m xung quanh chân trụ.

b. Đối với sự cố cháy nổ:

- Đã lắp đặt các turbine gió, lắp đặt hệ thống PCCC, chống sét theo đúng thiết kế;

- Bảo dưỡng định kỳ máy móc theo khuyến cáo của nhà sản xuất;

- Tuân thủ hướng dẫn vận hành trụ tuabin của nhà sản xuất;

- Cấm công nhân hút thuốc trong khu vực dự án;

- Các turbine được trang bị hệ thống PCCC bằng khí FK-5-1-12 (Novec 1230). Mỗi tuabin được thiết kế gồm hệ thống đường ống, đầu phun xả khí, tủ điều khiển xả khí, các đầu báo cháy điều khiển xả khí (kết nối tín hiệu về tủ trung tâm qua hệ thống Scada) và 1 bình khí trọng lượng 1,5kg cho tủ điều khiển, 1 bình 3,5kg cho tủ hộp số biến đổi, 1 bình 22kg cho phòng máy biến áp ở mỗi tuabin gió.

d. Đảm bảo an toàn lao động

Để phòng ngừa và giảm thiểu sự cố do tai nạn lao động có thể xảy ra đối với cán bộ, công nhân, một số biện pháp sau đã được thực hiện như sau:

- Tổ chức tập huấn an toàn lao động cho toàn bộ công nhân sau khi được tuyển dụng; đối với công nhân kỹ thuật sẽ thường xuyên được đào tạo nâng cao chuyên môn nhằm vận hành tốt và an toàn thiết bị;

- Tháp gió có các sàn công tác để công nhân nghỉ sức, do việc leo trèo cao lên tuabin có thể làm công nhân dễ mất sức, choáng, mỏi cơ dẫn đến té ngã;

- Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho CBCNV như nút tai chống ồn, găng tay, quần áo, giày cách điện, dây đai an toàn khi leo trèo..., đồng thời giám sát, nhắc nhở công nhân phải mang theo bảo hộ lao động khi làm việc;

- Định kỳ khám sức khỏe cho công nhân ít nhất 02 lần/năm hay khi có vấn đề về sức khỏe; giờ làm việc, nghỉ ngơi và nội quy an toàn lao động, vệ sinh lao động thực hiện theo Nghị định số 45/2013/NĐ-CP ngày 10/5/2013 của Chính phủ Quy định, Quyết định số 959/2018/QĐ-EVN ngày 09/8/2018 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam V/v ban hành Quy trình An toàn điện trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam;

- Khi xảy ra tai nạn lao động, CBCNV đã được tập huấn cần phải sơ cứu kịp thời cho nạn nhân, thông báo cho ban lãnh đạo sau đó liên lạc với bộ phận y tế để chuyển tới bệnh viện cấp cứu.

e. Đối với sự cố thời tiết tiêu cực:

Để phòng chống các thiệt hại do sự cố lũ quét, sạt lở đất gây nên, Chủ dự án đã thực hiện các biện pháp sau:

- Thiết kế, xây dựng các hạng mục công trình kiên cố, chịu được sức gió mạnh;

- Thiết kế, lắp đặt hệ thống chống sét cho tuabin gió theo tiêu chuẩn.

- Tổ chức kiểm tra định kỳ sự ổn định của hồ móng, thực hiện gia cố móng nếu thấy có nguy cơ xói xung quanh hồ móng;

- Lên kế hoạch phòng ngừa sự cố do biến đổi khí hậu, thiên tai;

- Trước khi có bão lũ xảy ra, Công ty sẽ thông báo kịp thời và có những phương án ứng cứu các sự cố khác có thể xảy ra đồng thời như cháy nổ, sạt lở đất.

g. Quy trình kiểm tra, bảo dưỡng của Dự án

- Để đảm bảo an toàn cho Dự án trong vận hành, việc bảo trì bảo dưỡng được tiến hành đều đặn theo lịch bảo trì do nhà sản xuất qui định. Ngoài ra, các hướng dẫn từ các nhà sản xuất các phụ tùng, cơ phận, máy móc thiết bị và các khuyến cáo trong Sổ tay vận hành và bảo dưỡng cho Dự án được áp dụng đầy đủ. Việc bảo trì được thực hiện bởi nhân viên kỹ thuật lành nghề (có kiến thức và đã được đào tạo bởi nhà sản xuất).

- Công tác bảo trì tuân theo Lịch Bảo trì Hàng năm của nhà sản xuất và được hỗ trợ bởi 2 lịch công tác phụ là Kiểm tra lực xiết bu lông và Kiểm tra chất bôi trơn.

+ Lịch kiểm tra lực xiết bu lông sẽ kiểm tra mọi mối nối bằng bu lông quan trọng, dụng cụ sử dụng kiểm tra lực xiết phải được hiệu chuẩn trước khi sử dụng.

Lần bảo trì đầu tiên là sau khi vận hành được 1 tháng, tất cả bu lông được kiểm tra. Sau đó, các lần bảo trì sau (cách 6 tháng 1 lần), chỉ cần kiểm tra 1 số bu lông theo tỉ lệ qui định trước, các bu lông đã kiểm tra được đánh dấu. Lần kiểm tra kế tiếp, các bu lông khác sẽ được chọn để kiểm tra.

+ Lịch kiểm tra chất bôi trơn sẽ kiểm tra mọi thiết bị có bôi trơn được kiểm tra định kỳ, lịch kiểm tra bao gồm loại chất bôi trơn và số lượng cần dùng, không dùng khác loại chất bôi trơn nếu không có ý kiến chấp thuận của nhà sản xuất.

- Lịch Bảo trì Hàng năm được thực hiện 6 tháng 1 lần (trừ lần đầu tiên được thực hiện sau khi Dự án vận hành 1 tháng), và có thể bao gồm các bảo trì sau:

1. Kiểm tra tổng quát: kiểm tra bằng mắt các ăn mòn, đứt gãy, hư hại các kết cấu, cơ phận của tuabin; kiểm tra sự rò rỉ hoặc thâm nhập nước; kiểm tra tiếng ồn lạ, kiểm tra các phần tử chống sét, dây tiếp địa;

2. Kiểm tra các cánh rotor: kiểm tra chất bản bám trên bề mặt cánh, đầu cánh; kiểm tra đường dẫn sét;

3. Kiểm tra gối đỡ cánh: kiểm tra sự rò rỉ dầu bôi trơn, bề mặt hệ thống răng truyền động;

4. Kiểm tra hệ thống điều chỉnh góc nghiêng cánh (nếu có);

5. Kiểm tra gối đỡ rotor;

6. Kiểm tra hộp số (nếu có): kiểm tra mức dầu bôi trơn, sự rò rỉ dầu, bề mặt bánh răng truyền động;

7. Kiểm tra hệ thống thắng an toàn: kiểm tra bề mặt đĩa thắng, chỉnh định lại khe hở thắng;

8. Kiểm tra máy phát điện;

9. Kiểm tra hệ thống thủy lực;

10. Kiểm tra các thiết bị quan trắc gió: cảm biến đo vận tốc gió, hướng gió;

11. Kiểm tra các cáp điện lực;

12. Kiểm tra tháp đỡ;
13. Kiểm tra hệ thống điều khiển, biến đổi điện;
14. Kiểm tra hệ thống PCCC, thiết bị an toàn, tình trạng vệ sinh.

5. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

TT	Tên công trình	Phương án đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường	Phương án điều chỉnh thay đổi đã thực hiện
1	Kho lưu giữ chất thải nguy hại	Chất thải nguy hại được lưu giữ tại nhà kho chứa CTNH ở khu vực nhà điều hành của Trang trại điện gió BT2 giai đoạn 1	Chất thải nguy hại được lưu giữ tại nhà kho 26m ² ở khu vực nhà điều hành trung tâm của Trang trại điện gió BT1

Nhận xét:

1. Trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt chất thải nguy hại lưu giữ tại kho chất thải nguy hại Trang trại điện gió BT2 giai đoạn 1, tuy nhiên hiện nay dự án xin thay đổi lưu giữ tại kho chất thải nguy hại của khu vực nhà điều hành trung tâm Trang trại điện gió BT1 do nhà điều hành trung tâm là khu vực quản lý công tác bảo trì, bảo dưỡng của toàn bộ Cụm Trang trại điện gió B&T và cùng thuộc chủ dự án. Nên khi bảo dưỡng, sửa chữa xong chất thải nguy hại của Trang trại điện gió BT2 giai đoạn 2 sẽ được vận chuyển về lưu giữ tại Trang trại điện gió BT1.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

Dự án không thuộc đối tượng cấp phép đối với nước thải vì tại khu vực dự án không có hoạt động sinh hoạt nên không phát sinh nước thải.

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Kết quả quan trắc nước mặt

- Thời gian quan trắc: Đợt 1: 09/5/2022.
- Tần suất quan trắc: 02 đợt/năm
- Vị trí quan trắc:
 - + Nước mặt tại khe nước cách tuabin gió số 51 khoảng 100m về phía Tây.
 - + Nước mặt tại khe nước cách tuabin gió số 52 khoảng 100m về phía Tây.
- Số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 02 mẫu
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng QCVN: QCVN 08-MT:2015 - BTNMT (Cột B1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Chất lượng nước mặt (Dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2)
- Đơn vị thực hiện quan trắc: Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Quảng Bình; Số Vimcerts: Vimcerts 022.
- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt Quy chuẩn (nếu có):

Bảng 4. Thống kê vị trí quan trắc nước mặt

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả vị trí quan trắc
				Kinh độ	Vĩ độ	
1	Nước mặt tại khe nước cách tuabin gió số 51 khoảng 100m về phía Tây.	M1	09/5/2022	106 ⁰ 51'48"	17 ⁰ 14'46"	Khe nước nằm về phía Tây Tuabin gió số 51. Đây là khe cạn, nước rất ít vào mùa hè.
	Nước mặt tại khe nước cách tuabin gió số 52 khoảng 100m về phía Tây	M2	09/5/2022	106 ⁰ 52'40"	17 ⁰ 14'16"	Khe nước nằm về phía Tây Tuabin gió số 52. Đây là khe cạn, nước rất ít vào mùa hè.

- Chỉ tiêu quan trắc:

Bảng 5. Chỉ tiêu quan trắc

TT	Nước mặt	Theo QCVN
1	pH	QCVN 08 -MT:2015/BTNMT Cột B ₁ – Dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B ₂
2	DO	
3	Chất rắn lơ lửng (TSS)	
4	COD	
5	BOD ₅ (20 ⁰ C)	
6	Amoni (tính theo N)	
7	Sắt	
8	Mangan	
9	Coliform	

Bảng 6. Kết quả quan trắc nước mặt

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả		QCVN 08-MT:2015 BTNMT (Cột B1)
			M1	M2	
1	pH	mg/l	7,50	7,48	5,5-9
2	DO	mg/l	8,20	8,16	≥ 4
3	TSS	mg/l	9	11	≤ 50
4	COD	mg/l	20,8	16,6	≤ 30
5	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	13,6	10,4	≤ 15
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	0,04	0,03	≤ 0,9
7	Sắt	mg/l	<0,03	<0,03	≤ 1,5
8	Mangan	mg/l	<0,03	<0,03	≤ 0,5
9	Coliform*	VK/100ml	170	230	≤ 7.500

- Nhận xét, đánh giá kết quả quan trắc:

Kết quả quan trắc 6 tháng đầu năm 2022 so sánh với QCVN 08-MT:2015 - BTNMT (Cột B1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Chất lượng nước mặt (Dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2) cho thấy tất cả các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn Quy chuẩn cho phép.

2. Kết quả quan trắc điện từ trường

- Thời gian quan trắc: đợt 1: 09/5/2022.
- Tần suất quan trắc: 2 đợt/năm
- Vị trí quan trắc:
 - + Trên tuyến đường đi ra xã Ngư Thủy Bắc, cách tuabin gió số 60 khoảng 200m về phía Đông
 - + Tại khu dân cư gần nhất thôn Trung Thành, cách tuabin gió số 53 khoảng 415m về phía Đông Bắc.
- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 02 mẫu
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng QCVN: QCVN 25:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về điện từ trường tần số công nghiệp - Mức tiếp xúc cho phép điện từ trường tần số công nghiệp tại nơi làm việc.
- Đơn vị thực hiện quan trắc: Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Quảng Bình; Số Vimcerts: Vimcerts 022.

Bảng 7. Vị trí quan trắc điện từ trường

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Vị trí lấy mẫu		Mô tả vị trí quan trắc
			Kinh độ	Vĩ độ	
1	Trên tuyến đường đi ra xã Ngư Thủy Bắc, cách tuabin gió số 60 khoảng 200m về phía Đông	ĐTT1	106°52'42"	17°13'20"	Trạm biến áp đang hoạt động
2	Tại khu dân cư gần nhất thôn Trung Thành, cách tuabin gió số 53 khoảng 415m về phía Đông Bắc.	ĐTT2	106°52'31"	17°14'40"	Tuabin gió đang hoạt động

- Chỉ tiêu quan trắc

Bảng 8. Chỉ tiêu quan trắc

TT	Thông số	Theo QCVN
----	----------	-----------

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Trang trại điện gió BT2 giai đoạn 2 (Thuộc cụm Trang trại điện gió B&T).

1	Cường độ điện trường	<p style="text-align: center;">QCVN 25:2016/BYT</p> <p style="text-align: center;"><i>Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về điện từ trường tần số công nghiệp- Mức tiếp xúc cho phép điện từ trường tần số công nghiệp tại nơi làm việc- Bảng 1. Mức tiếp xúc cho phép với điện trường tại nơi làm việc</i></p>
2	Cường độ từ trường	<p style="text-align: center;">QCVN 25:2016/BYT</p> <p style="text-align: center;"><i>Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về điện từ trường tần số công nghiệp- Mức tiếp xúc cho phép điện từ trường tần số công nghiệp tại nơi làm việc- Bảng 2. Mức tiếp xúc cho phép với từ trường tại nơi làm việc</i></p>

Bảng 9. Kết quả quan trắc điện trường

TT	Vị trí đo	Đơn vị tính	Kết quả	QCVN 25:2016/BYT
1	Trên tuyến đường đi ra xã Ngự Thủy Bắc, cách tuabin gió số 60 khoảng 200m về phía Đông	V/m	1,02	Không hạn chế thời gian tiếp xúc
2	Tại khu dân cư gần nhất thôn Trung Thành, cách tuabin gió số 53 khoảng 415m về phía Đông Bắc.	V/m	1,06	Không hạn chế thời gian tiếp xúc

- Nhận xét kết quả quan trắc:

Từ kết quả quan trắc so sánh với QCVN 25:2016/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về điện từ trường tần số công nghiệp - Mức tiếp xúc cho phép điện từ trường tần số công nghiệp tại nơi làm việc - Bảng 1. Mức tiếp xúc cho phép với điện trường tại nơi làm việc) cho thấy cường độ điện trường ở mức và < 5kV/m do đó không hạn chế thời gian tiếp xúc.

3. Kết quả quan trắc tiếng ồn

- Thời gian quan trắc: Đợt 1: 09/5/2022.

- Tần suất quan trắc: 2 đợt/năm

- Vị trí quan trắc:

+ Trên tuyến đường đi ra xã Ngự Thủy Bắc, cách tuabin gió số 60 khoảng 200m về phía Đông;

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Trang trại điện gió BT2 giai đoạn 2 (Thuộc cụm Trang trại điện gió B&T).

+ Tại khu dân cư gần nhất thôn Trung Thành, cách tuabin gió số 53 khoảng 415m về phía Đông Bắc.

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng : QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (QCVN \leq 70 dBA).

- Đơn vị thực hiện quan trắc: Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Quảng Bình; Số Vimcerts: Vimcerts 022.

Bảng 10. Thống kê vị trí quan trắc tiếng ồn

TT	Tên vị trí quan trắc	Ký hiệu	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả vị trí quan trắc
				Kinh độ	Vĩ độ	
1	Trên tuyến đường đi ra xã Ngư Thủy Bắc, cách tuabin gió số 60 khoảng 200m về phía Đông	TO1	09/5/2022	106°52'42"	17°13'20"	Trạm biến áp đang hoạt động
2	Tại khu dân cư gần nhất thôn Trung Thành, cách tuabin gió số 53 khoảng 415m về phía Đông Bắc.	TO2	09/5/2022	106°52'31"	17°14'40"	Tuabin gió đang hoạt động

- Chỉ tiêu quan trắc

Bảng 11. Chỉ tiêu quan trắc

TT	Tiếng ồn	Theo QCVN
1	Leq	QCVN 26:2010/BTNMT

Bảng 12. Kết quả quan trắc tiếng ồn

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Trang trại điện gió BT2 giai đoạn 2 (Thuộc cụm Trang trại điện gió B&T).

TT	Kí hiệu vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc	Đơn vị	QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn
1	TO1	56,2	dBA	70
2	TO2	56,6		70

- Nhận xét, đánh giá kết quả quan trắc:

Để đánh giá mức độ gây ồn trong quá trình hoạt động của Cơ sở, một số vị trí liên quan đã được quan trắc. Kết quả quan trắc 6 tháng đầu năm 2022 được so sánh với Kết quả quan trắc được so sánh với QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn ($QCVN \leq 70$ dBA) cho thấy, tiếng ồn tại các vị trí quan trắc đều nằm trong giới hạn quy chuẩn cho phép.

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật.

1.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

a) Quan trắc tiếng ồn

- Chỉ tiêu quan trắc: Tiếng ồn.

- Vị trí quan trắc:

+ Trên tuyến đường đi ra xã Ngư Thủy Bắc, cách turbine gió số 60 khoảng 200m về phía Đông;

+ Tại khu dân cư gần nhất thôn Trung Thành, cách turbine gió số 53 khoảng 415m về phía Đông Bắc.

- Tần suất quan trắc: 6 tháng/lần, khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường.

- Quy chuẩn đánh giá:

QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

b) Quan trắc công tác thu gom, xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại

- Vị trí quan trắc: Trên toàn bộ khu vực Dự án.

- Tần suất quan trắc: Thường xuyên liên tục trong quá trình hoạt động.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

2. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.

Trích từ kinh phí hoạt động hàng năm của cơ sở, kinh phí theo quy định của Nhà nước.

CHƯƠNG VII
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI DỰ ÁN

Trong 2022 không có hoạt động kiểm tra, thanh tra về Bảo vệ môi trường đối với dự án.

CHƯƠNG VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN

Chủ đầu tư cam kết:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có liên quan đến cơ sở và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường có liên quan.

+ Các tiêu chuẩn, quy chuẩn nhà nước Việt Nam về môi trường bắt buộc áp dụng và các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan khác.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

- Cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp để xảy ra các sự cố trong quá trình hoạt động của cơ sở.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương;
- Giấy tờ về đất đai của cơ sở theo quy định của pháp luật.
- Bản vẽ thiết kế dự án.
- Bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường và bản sao quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.
- Hợp đồng thu gom rác thải và một số giấy tờ liên quan về môi trường của dự án.